TAND T□NH B□C GIANG
TAND HUY□N L□C NG□N

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/DS - ST.
Ngày 04/9/2021.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
N- □C C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N L□C NG□N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà***: Bà Lương Thị Ngọc Hà.
**Các Hội thẩm nhân dân: -* Ông Tạ Văn Doanh.
- Bà Nguyễn Thị Thúy.

**** Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:***
Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 16/2021/DSST ngày 24 tháng 02 năm 2021 Về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/ QĐXX - ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2021/QĐST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H - Sinh năm 1945 (Có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
* Bị đơn: Anh Vi Văn T - Sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Thị C - sinh năm 1959 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
* Người làm chứng:
1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963 (Có mặt).
Trú tại: Thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Vũ Hồng T trình bày:***

Ông và anh Vi Văn T có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do anh T cần tiền để trang trải công nợ nên anh T có đề nghị hỏi vay ông số tiền là 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) để anh T đầu tư dự án làm đường, không liên quan gì đến vợ anh Tên, thấy dự án khả thi nên ông đồng ý. Theo đó ngày 26/5/2017 (âm lịch) tức ngày 20/6/2017 (dương lịch) ông có cho anh T vay số tiền là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 26/5/2017 (âm lịch), không có lãi xuất. Nhưng trong thời gian vay, anh Tên không trả cho tôi được đồng nào tiền gốc, nhưng có tự nguyện trả cho ông tổng số tiền là 105.000.000đồng (Một trăm linh năm triệu đồng chẵn) tiền lãi. Ngoài ra khi vay anh Tên có gửi lại cho ông 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

1 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Vi Văn K diện tích 2000m^2 đất rừng, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2046 địa chỉ tại thôn B, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Được UBND huyện Lục Ngạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/2011, đến ngày 13/4/2017 đã được sang tên anh Vi Văn T theo hồ sơ số 711, ngày 20/3/2017.

2 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Vi Văn K diện tích 6400m^2 trong đó 400m^2 đất ở, 6000m^2 đất vườn, địa chỉ tại thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Được UBND huyện Lục Ngạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2002 để làm tin.

Do 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T gửi ông để làm tin nhưng hai bên không làm hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, anh T hiện không có mặt tại địa phương. Vì vậy, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T đã gửi ông.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Vi Văn T phải trả cho ông 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày ngày 26/5/2018 (âm lịch) tức ngày 09/7/2018 (dương lịch) đến nay theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị C trình bày:***

Bà có quan hệ là vợ của ông Vũ Xuân H, việc vay nợ giữa ông H và anh T ra sao thì bà cũng được ông H nói cho biết nhưng bà không ký vào giấy cho vay tiền. Do anh T vay đã lâu nhưng không trả đúng như đã hẹn, vì vậy ông H đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh Vi Văn T phải trả số tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu triệu đồng chẵn) tiền gốc và tiền lãi theo qui định của pháp luật trong thời gian sớm nhất thì bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của ông H.

**** Tại biên bản lấy lời khai ông Vi Văn K trình bày***:

Ông có quan hệ là bố của anh Vi Văn T nên vào ngày 24/5/2017 (Âm lịch) ông có ký hợp đồng ủy quyền cho anh Vi Văn T được toàn quyền quản lí, sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ngày 12/3/2002 tên hộ ông Vi Văn K có diện tích 6400m^2, trong có có 400m^2 đất ở, 6000 m^2 đất vườn tại thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra anh T còn có quyền thế chấp, tặng cho… quyền sử dụng thửa đất trên theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng. Do thỏa thuận ủy quyền chỉ có ông và anh T ký với nhau trong khi Giấy chứng nhận được cấp tên hộ ông Vi Văn K nhưng vợ và các con ông không được ký vào hợp đồng ủy quyền cho anh T. Việc anh T vay ông H số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) thì ông hoàn toàn không biết và không được sử dụng số tiền trên. Nên ông không nhận trách nhiệm cùng anh T trả cho ông H số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

**** Tại biên bản xác minh ông Lương Văn S, bà Nguyễn Thị T1 trình bày***:

Sau khi xem nội dung hợp đồng kinh tế ngày 26/5/2017 ông bà xác định không được vay ông H, bà C số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) cùng với anh Vi Văn T. Ông bà không thế chấp cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1248 m^2 đất ruộng cấp ngày 02/01/1993 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00272.

Bà T1 xác định chỉ được chứng kiến việc ông H, giao cho anh T số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

**** Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T2 trình bày***:

Vào ngày 26/5/2017 (âm lịch) bà có vào nhà ông H chơi, có bà T1 và ông S cũng ở đó còn những người khác thì bà không biết.

Bà xác định chỉ được chứng kiến việc ông H, giao cho anh T số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), nhưng không biết hai bên có tính lãi xuất hay không và anh T đã trả ông H hay chưa. Bà có được ký làm người chứng kiến, bà xác nhận chữ ký đó là chữ ký của bà.

**** Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T1 trình bày***:

Bà T1 xác định được chứng kiến việc ông H, giao cho anh T số tiền 600.000.0000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), ngoài ra bà còn chứng kiến việc anh T trả tiền lại cho ông H tất cả làm ba lần được tổng số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Bà xác định lời trình bày của bà là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện lục Ngạn tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử - □p dụng khoản 2 Điều 305; Điều 463; Điều 466; 468; 470 Bộ luật dân sự. Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H.

Buộc anh Vi Văn Tên phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân H và bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và 84.534.000đồng (tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền anh T phải trả cho ông H, bà C là 684.534.000đồng (Sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Án phí: Anh Vi Văn T phải chịu 31.381.000đồng (Ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án dân sự về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự do sự việc xảy ra và nơi cư trú của các đương sự tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai tuy đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu: Theo giấy vay tiền, thời hạn trả nợ là 26/5/2018 (âm lịch) tức ngày 09/7/2018 (dương lịch) nên khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì thời hiệu giải quyết vẫn còn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay nợ giữa anh Vi Văn T với ông Vũ Xuân H là do ông Vũ Xuân H trực tiếp viết và anh Tên ký vào giấy nhận nợ. Tuy quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt nhưng tại giấy nhận nợ có bà T1, chị T2 chứng kiến và bà T, chị T2 đã xác nhận có được chứng kiến việc ông H giao tận tay tiền mặt cho anh T khoản tiền 600.000.000đồng (Sáu trămtriệu đồng chẵn) của ông Vũ Xuân H. Nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Vũ Xuân H xác định từ khi vay nợ đến nay bị đơn là anh Vi Văn T chưa trả cho vợ chồng ông được đồng nào tiền gốc nên ông vẫn giữ

nguyên yêu cầu buộc anh Vi Văn T phải trả cho ông số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật có trừ tiền lãi anh T đã trả cho ông là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng).

Vì vậy xác định anh Vi Văn T đã vay của ông Vũ Xuân H khoản tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) đến nay chưa trả nên cần buộc anh Vi Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân Hồng khoản tiền 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc. Về lãi xuất của khoản nợ trên, ông H yêu cầu anh T phải trả theo quy định của pháp luật. Do giấy nhận nợ vào ngày 26/5/2017 (âm lịch) tức ngày 20/6/2017 (dương lịch) ngày hẹn trả là ngày 26/5/2018 (âm lịch) tức ngày 09/7/2018 (dương lịch). Như vậy giấy nhận nợ vào ngày 26/5/2017 (âm lịch) anh T có hẹn ngày trả nợ cho ông H nhưng không có thỏa thuận về lãi nên căn cứ vào Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 anh T phải chịu lãi luất 10%/năm kể từ ngày hẹn trả 26/5/2018 (âm lịch) tức ngày 09/7/2018 (dương lịch) đến ngày 04/9/2021 là 189.534.000 đồng.

Tổng số tiền anh Vi Văn T phải trả cho ông Vũ Xuân H là 789.534.000đồng (Bẩy trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) trong đó 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và 189.534.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền lãi, xác nhận anh T đã trả được cho ông H được 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng) tiền lãi, nên anh T còn phải trả cho ông H 684.534.000đồng (Sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) trong đó 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và 84.534.000đồng (tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền lãi.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T gửi ông H để làm tin nhưng hai bên không làm hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, anh T hiện không có mặt tại địa phương. Vì vậy, ông H không đề nghị Tòa án giải quyết về hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T đã gửi ông H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh Vi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUY□T □□NH:

- □p dụng khoản 2 Điều 305; Điều 463; Điều 466; 468; 470 Bộ luật dân sự. Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H.

Buộc anh Vi Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân H và bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc và 84.534.000đồng (tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền anh T phải trả cho ông H, bà C là 684.534.000đồng (Sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Anh Vi Văn T phải chịu 31.381.000đồng (Ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện lục ngạn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà